

Gói 16a

GÓI KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ VIETSOVPETRO
THUYỀN VIÊN NO COOK

Số thứ tự gói khám: 16a
Mã gói: KSK ĐK TV - VSP - 16 a- No cook
Tên gói khám: Khám sức khỏe định kỳ thuyền viên VSP làm việc không tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm theo TT 22/2017/TT-BYT
Đối tượng áp dụng:

Khám sức khỏe định kỳ thuyền viên làm việc không tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm, vào làm việc tại VSP theo TT 22/2017/TT-BYT;
Khám sức khỏe định kỳ thuyền viên của nhà thầu VSP làm việc trên tàu biển, CTB của Vietsovpetro, chức danh làm việc không tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm
Khám đổi, gia hạn giấy phép xuống tàu

Mẫu số khám sức khỏe:
Mẫu Sổ KSK ĐK - TV - TT22 - 15.2
Mẫu GKSK - TV - TT 22 - 14.2 (03 bản): Khách hàng 2 bản, TTYT lưu 1 bản
Mẫu PK Sắc giác - 24

Số hình: 05 ảnh 4x6cm nền trắng, chụp trong vòng 06 tháng tính đến ngày KSK; sao thêm 01 bản thêm 01 hình
Giá trị sử dụng của giấy KSK:

Có giá trị trong thời hạn 18 tháng, kể từ ngày ký kết luận KSK
Trường hợp thuyền viên đủ tiêu chuẩn sức khỏe theo quy định tại Phụ lục số I Thông tư 22 nhưng mắc một hoặc một số bệnh, tật quy định tại Phụ lục số II Thông tư 22 và có giấy cam kết tự nguyện đi làm việc trên tàu biển theo mẫu quy định tại Phụ lục số VI ban hành kèm theo Thông tư 22 thì *giấy KSK có giá trị sử dụng trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký kết luận KSK*

Nội khám chi tiết

STT	Nội dung khám	Đơn giá VNĐ	Ghi chú
1	Khám thể lực: Chiều cao, cân nặng, Vòng ngực; BMI, Mạch, huyết áp		
2	Khám kiểm tra: Lực bóp tay thuận, Lực bóp tay không thuận, Lực kéo thân; Thử nghiệm thần kinh tâm lý; Khả năng chịu sóng	30,000	
3	Khám Nội tổng hợp: Hệ tim mạch, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ tiết niệu sinh dục, gan mật; hệ nội tiết dinh dưỡng và chuyển hóa, hệ cơ xương khớp, Máu và cơ quan tạo máu, thần kinh	160,000	
4	Khám tâm thần		
5	Khám Ngoại		
6	Khám Mắt		
7	Khám Răng hàm mặt		
8	Khám Tai mũi họng		
9	Khám Da liễu		
10	Đường huyết	25,000	
11	SGOT	25,000	
12	SGPT	25,000	
13	GGT	25,000	

STT	Nội dung khám	Đơn giá VNĐ	Ghi chú
14	Cholesterol TP	30,000	
15	HDL	30,000	
16	LDL	0	Tính theo công thức
17	Triglycerid máu	30,000	
18	Tổng phân tích tế bào máu	60,000	
19	Nhóm máu ABO	42,100	x
20	Nhóm máu RhD	50,000	
21	Urê (Định lượng)	25,000	
22	Creatinin (Định lượng)	25,000	
23	Acid uric máu	25,000	
24	HBeAg (Elisa)	110,000	
25	Anti HCV (test nhanh)	70,000	
26	Anti HAV IgM	120,000	
27	TPHA định tính	58,600	x
28	HBsAg (Test nhanh)	60,000	
29	Thời gian thromboplastin hoạt hóa từng phần APTT	55,000	
30	Nồng độ alcohol trong máu	100,000	
31	Anti HIV test nhanh	95,000	
32	VDRL	70,000	
33	Opiate, Amphetamin, Methamphetamin: Marijuana (cần sa)	240,000	
34	Tổng phân tích nước tiểu	40,000	
35	Sắc giác	80,600	x
36	Điện tim	40,000	
37	Siêu âm bụng tổng quát	80,000	
38	Hô hấp ký	144,300	x
39	Đo thính lực hoàn chỉnh	100,000	
40	Đo thị trường	31,100	x
41	Đo nhãn áp	31,600	x
42	Chụp Xquang phổi thẳng không in phim	50,000	
	Tổng chi phí cho 1 người/ 1 lần khám	2,183,300	

Ghi chú:

- Đơn giá dịch vụ khám sức khỏe được điều chỉnh khi giá dịch vụ của TTYT thay đổi

Nơi nhận

- BGD TTYT
- Các khoa phòng TTYT
- BP Tiếp Nhận/ Tổ DVN (Thực hiện và niêm yết cho KH)
- Lưu Văn thư

Visa

TP Y vụ - QLCL-DVN:

TK Khám bệnh:

Người thực hiện:

